

Bản án số: 02/2019/HS-ST
Ngày 30/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Tính
Ông Lưu Hoài Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: bà Lỗ Thị Loan; Kiểm sát viên

Ngày 30/01/2019 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2018/TLST-HS ngày 24/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Tuấn A; Sinh ngày 09 tháng 11 năm 1983. Nơi cư trú: Khu A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Phạm Khánh T, sinh năm 1949 và bà Trần Thị V, sinh năm 1959, có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1991, và có 01 người con sinh năm 2009. Gia đình bị cáo có 04 (bốn) anh, chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Phi H; Sinh ngày 18 tháng 10 năm 1990. Tên gọi khác: Chur. Nơi cư trú: xóm H, xã D, huyện K, tỉnh Hoà Bình. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12, con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 có vợ là Triệu Thị C, và 01 con sinh năm 2013; Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Anh Lê Viết C, sinh năm 1980, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chị Lê Thị L, sinh năm 1982, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: Khu A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* anh Vũ Chí C, sinh năm 1999, có mặt.

Địa chỉ: Khu B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

* *Người làm chứng:*

- Anh Hoàng Thăng L, sinh năm 1995, vắng mặt.

Địa chỉ: Khu C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2016, Lê Viết C vay của bị cáo Tuấn A 3.000.000 đồng không viết giấy tờ biên nhận. Bị cáo Tuấn A đã nhiều lần gặp trực tiếp và gọi điện đòi anh C trả tiền, anh C nói rằng đã trả số tiền trên ngay ngày hôm sau nên không còn nợ tiền của bị cáo A nữa. Bị cáo A không thừa nhận và cho rằng anh C còn nợ bị cáo 5.000.000 đồng nên tiếp tục đòi tiền.

Đến tháng 8 năm 2018, Bị cáo A nhờ bị cáo H tìm gặp C để đòi nợ giúp nhưng anh C không gặp. Bị cáo A nói với bị cáo H là nhấn tin đòi nợ không được thì dùng chất bắn ném vào nhà buộc anh C phải trả tiền. Bị cáo H nhất trí nên đã dùng điện thoại nhấn tin cho anh C đòi tiền nhưng không được.

Đến rạng sáng ngày 13/9/2018 bị cáo H chuẩn bị mìn tơm và dầu tuyn đựng trong túi nilon rồi mượn xe máy BKS: 98B1-982-05 (BKS giả) của Nguyễn Văn T (sn: 1990, trú tại: xóm Đ – Mông Hóa – Kỳ Sơn – Hòa Bình), một mình điều khiển đến nhà anh C để ném chất bắn trên vào nhà anh C. Tiếp tục vào rạng sáng các ngày 18 và 24/9/2018 bị cáo H chuẩn bị sẵn chất bắn và có rủ thêm Vũ Chí C cùng thực hiện.

Đến tối ngày 29/9/2018, bị cáo A bảo bị cáo H gọi điện cho anh C để hỏi tiền, lúc này anh C đang ăn cơm tại nhà ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967 là người cùng khu. Cùng ăn tại nhà ông N còn có Phạm Đức T. Vào thời điểm bị cáo H gọi điện đến số máy của C thì anh C đã ra ngoài và để điện thoại gần mâm cơm, thì Phạm Đức T ngồi gần đó có cầm máy điện thoại của C lên nghe. Do không biết ai gọi đến, lại ồn ào không nghe rõ và có nói là “mai nhé” rồi tắt máy. Do nghĩ là anh C hẹn nên bị cáo A bảo bị cáo H hôm sau đến nhà anh C để lấy tiền. Sáng ngày 30/9/2018 H điều khiển xe máy BKS: 98B1-982.05 một mình lên đến thị trấn Kỳ Sơn thì Hoàng Thăng L xin đi nhờ xe đến dốc Mỏ -Dân Hạ - Kỳ Sơn, H đồng ý rồi chở L cùng đến nhà anh C nhưng không nói là đi đòi nợ. Khi đến nơi, bị cáo H dừng xe trước cửa sau đó đi vào nhà gặp chị L là vợ anh C và được biết anh C không có ở nhà. Bị cáo H bảo với

chị L là bị cáo đến lấy hộ tiền anh C nợ bị cáo A. Sau đó H vào ngồi ở bàn nước phía trong quán, còn L ngồi ở khu vực bàn phía ngoài cửa chơi điện tử. Do chỉ có một mình ở nhà à trước đó thấy việc gia đình liên tục bị ném chất bẩn vào nhà, chị L sợ nên đã gọi điện cho anh Đặng Trung V, sinh năm 1971, là người cùng khu để hỏi vay tiền. Sau đó anh V đi xe máy đến và cho chị L vay 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Chị L cầm tiền đặt xuống bàn nước và nói: “Chị chỉ còn ba triệu thôi”, bị cáo H cầm tiền lên đếm và hỏi lại: “Thế còn hai triệu nữa?”, chị L trả lời: “Khi nào có thì trả nốt”. Nhận được số tiền trên đến tối ngày 30/9/2018 bị cáo H đến nhà và đưa toàn bộ số tiền trên cho bị cáo A, bị cáo A giữ lại và không chia cho ai.

*Vật chứng của vụ án:

- 01 USB màu đen nhãn hiệu Kingston có dung lượng 16Gb, mã ORC: 70057574 (được niêm phong theo quy định pháp luật).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 màu đỏ có lắp sim của thuê bao 0974777321.

- 01 điện thoại di động SAMSUNG A72 màu ghi có lắp 02 sim thuê bao 0981884078 và 0397789556.

- 01 điện thoại di động SAMSUNG E0168 màu trắng đã qua sử dụng, có lắp sim của thuê bao 0949111983.

Đối với xe mô tô BKS: 98B1 – 982.05 loại Honda nhãn hiệu Vision, màu sơn trắng, số máy: JF58E-0154890, số khung RLHJF5806EY154760 (đã qua sử dụng) H mượn của Nguyễn Văn T quá trình xác minh xe không giấy tờ, mang BKS giả, Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn tiếp tục xác minh để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 02/VKS-KS ngày 21/12/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn đã truy tố Phạm Tuấn A và Nguyễn Phi H về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Tuấn A và Nguyễn Phi H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn và thừa nhận bị truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội. Các bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, điểm (b,h,s) khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Phạm Tuấn A phạm tội Cưỡng đoạt tài sản, xử phạt bị cáo Phạm Tuấn A từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Không.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 17, điểm (h, s) khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Phi H phạm tội Cưỡng đoạt tài sản, xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời

gian thử thách. Hình phạt bổ sung: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay các bị hại vắng mặt tuy nhiên trong đơn xin xét xử vắng mặt các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng, không có yêu cầu gì thêm.

Áp dụng khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 587 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền trên cho các bị hại. Trong quá trình điều tra, bị cáo Phạm Tuấn A đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn số tiền 3.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, hiện số tiền trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điểm (b) khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với 01 USB màu đen nhãn hiệu Kingston có dung lượng 16Gb, mã ORC: 70057574 là USB anh C dùng để sao trích dữ liệu từ ổ cứng của camera an ninh lắp đặt tại nhà do anh C giao nộp để làm căn cứ giải quyết vụ án, vì vậy đề nghị trả lại cho anh C.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 màu đỏ có lắp sim của thuê bao 0974777321 là chiếc điện thoại mà bị cáo H sử dụng để nhắn tin vào máy của anh Lê Viết C với nội dung đòi nợ cho bị cáo A tuy nhiên đánh giá nội dung tin nhắn mà anh C giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn là đòi nợ thông thường, không có tính chất gây áp lực buộc anh C phải đưa tiền nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động SAMSUNG A72 màu ghi có lắp 02 sim thuê bao 0981884078 và 0397789556 và 01 điện thoại di động SAMSUNG E0168 màu trắng đã qua sử dụng, có lắp sim của thuê bao 0949111983 là hai chiếc điện thoại mà bị cáo A đã sử dụng để nhắn tin yêu cầu bị cáo H đi đòi nợ, tuy nhiên đánh giá nội dung tin nhắn chỉ là đòi nợ thông thường, không có tính chất gây áp lực buộc anh C phải đưa tiền nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng Hình sự: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân

huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo là rõ ràng, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án vì vậy có đủ cơ sở kết luận:

Phạm Tuấn A có nhờ Nguyễn Phi H dùng mẩu tằm và luyn bắn ném vào nhà anh Lê Viết C gây áp lực để buộc anh C trả nợ. Rạng sáng các ngày 13,18 và 24/9/2018 H đã ba lần thực hiện hành vi trên. Đến sáng ngày 30/9/2018 bị cáo H đến nhà thì có chị Lê Thị L vợ anh C ở nhà, do thấy gia đình liên tục bị ném chất bẩn vào nhà nên đã miễn cưỡng giao số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho bị cáo H để đảm bảo an toàn cho gia đình. Bị cáo H đã giao toàn bộ số tiền trên cho bị cáo A, bị cáo A đã giữ lại và không chia cho ai.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại về kinh tế, tổn thất về tinh thần, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo là người trưởng thành, có nhận thức đầy đủ về hành vi mình thực hiện vì vậy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

Trong vụ án này đối với Vũ Chí C, mặc dù đã hai lần đi cùng Nguyễn Phi H ném tạp chất bẩn vào nhà Lê Viết C vào các ngày 18 và 24/9/2018 nhưng không được H cho biết mục đích của việc ném tạp chất bẩn vào nhà anh C và không được Phạm Tuấn A chia tiền. Nên hành vi trên của Vũ Chí C không có căn cứ để xử lý hình sự. Công an huyện Kỳ Sơn đã lập hồ sơ xử phạt hành chính đối với Vũ Chí C theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 5 Nghị định 167/2013/ NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với Hoàng Thăng L, vào ngày 30/9/2018 đi nhờ xe mô tô của Nguyễn Phi H đến khi bị cáo H vào nhà Lê Viết C lấy tiền của chị Lê Thị L thì L không biết sự việc và không có cùng ý chí chiếm đoạt tiền nên không có lỗi.

Đối với Nguyễn Văn T là người cho Nguyễn Phi H mượn xe mô tô Vision sử dụng làm phương tiện, bản thân T không biết H sử dụng xe mô tô trên để làm gì nên

không có lỗi.

[3] Xét vai trò, nhân thân của các bị cáo trong vụ án:

Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo phạm tội mang tính bột phát không có dự mưu từ trước, không sự phân công, bàn bạc cụ thể; trong vụ án này, bị cáo Phạm Tuấn A là người khởi xướng; bị cáo Nguyễn Phi H là đồng phạm tích cực thực hiện hành vi gây áp lực buộc gia đình anh C phải đưa tiền.

Về nhân thân bị cáo Phạm Tuấn A và Nguyễn Phi H có nhân thân tốt, luôn chấp hành chính sách pháp luật tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Phạm Tuấn A và Nguyễn Phi H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, trong quá trình điều tra bị cáo Phạm Tuấn A tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT số tiền 3.000.000 đồng để bồi thường cho gia đình bị hại, trong đơn xin xét xử vắng mặt của bị hại Lê Thị L và Lê Viết C đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; gia đình của bị cáo A có bố đẻ là người có công với cách mạng. Đối với bị cáo Phạm Tuấn A có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm (b,h,s) khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Phi H có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm (h,s) khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Từ những đánh giá, phân tích nêu trên. Căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì có đủ điều kiện cho các bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình, không cần thiết buộc các bị cáo sống cách ly xã hội cũng đủ điều kiện cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay người bị hại là vợ chồng anh Lê Viết C, chị Lê Thị L vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt các bị hại yêu cầu các bị cáo trả lại 3.000.000 đồng, không có đề nghị gì thêm. Xét thấy yêu cầu của bị hại là có căn cứ nên buộc bị cáo Nguyễn Phi H và Phạm Tuấn A phải liên đới bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 3.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo Phạm Tuấn A đã tự nguyện giao nộp tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn số tiền 3.000.000^d (Ba triệu đồng) để bồi thường cho gia đình bị hại anh Lê Viết C và chị Lê Thị L. Tại phiên

tòa, bị cáo Phạm Tuấn A không yêu cầu bị cáo Nguyễn Phi H có trách nhiệm liên đới bồi thường cùng.

Vì vậy gia đình bị hại anh Lê Viết C và chị Lê Thị L được nhận số tiền 3.000.000^d (ba triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/12/2018 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn, Hòa Bình và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 USB màu đen nhãn hiệu Kingston có dung lượng 16Gb, mã ORC: 70057574 là USB anh C dùng để sao trích dữ liệu từ ổ cứng của camera an ninh lắp đặt tại nhà do anh C giao nộp để làm căn cứ giải quyết vụ án, vì vậy trả lại cho anh C.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 màu đỏ có lắp sim của thuê bao 0974777321 là chiếc điện thoại mà bị cáo H sử dụng để nhắn tin vào máy của anh Lê Viết C với nội dung đòi nợ cho bị cáo A tuy nhiên đánh giá nội dung tin nhắn mà anh C giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn là đòi nợ thông thường, không có tính chất gây áp lực buộc anh C phải đưa tiền vì vậy trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động SAMSUNG A72 màu ghi có lắp 02 sim thuê bao 0981884078 và 0397789556 và 01 điện thoại di động SAMSUNG E0168 màu trắng đã qua sử dụng, có lắp sim của thuê bao 0949111983 là hai chiếc điện thoại mà bị cáo A đã sử dụng để nhắn tin yêu cầu bị cáo Hg đi đòi nợ, tuy nhiên đánh giá nội dung tin nhắn chỉ là đòi nợ thông thường, không có tính chất gây áp lực buộc anh C phải đưa tiền vì vậy trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, Điểm (b,h,s) khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Tuấn A;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, Điểm (h,s) khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phi H;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Tuấn A và Nguyễn Phi H phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Về hình phạt:

Xử phạt Phạm Tuấn A 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt Nguyễn Phi H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã D, huyện K, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã D, huyện K, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Phạm Tuấn A và Nguyễn Phi H thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 587 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Phạm Tuấn A và bị cáo Nguyễn Phi H phải liên đới bồi thường cho bị hại anh Lê Viết C và chị Lê Thị L số tiền 3.000.000 đồng. Ghi nhận bị cáo Phạm Tuấn A đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn số tiền 3.000.000 đồng để bồi thường cho gia đình bị hại và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Phi H hoàn trả.

Vợ chồng anh Lê Viết C và chị Lê Thị L được nhận số tiền 3.000.000^d (ba triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/12/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Kỳ Sơn, Hòa Bình và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điểm (b) khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho anh Lê Viết C 01 USB màu đen nhãn hiệu Kingston có dung lượng 16Gb, mã ORC: 70057574.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Phi H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130

màu đỏ có lắp sim của thuê bao 0974777321.

Trả lại cho bị cáo Phạm Tuấn A 01 điện thoại di động SAMSUNG A72 màu ghi có lắp 02 sim thuê bao 0981884078 và 0397789556 và 01 điện thoại di động SAMSUNG E0168 màu trắng đã qua sử dụng, có lắp sim của thuê bao 0949111983.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/12/2018 giữa Cơ quan CSĐT công an huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc

Bị cáo Phạm Tuấn A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Phi H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/01/2019. Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh HB;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- Cơ quan THADS huyện Kỳ Sơn;
- UBND tt, UBND xã D;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có qlvnlq;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Khiêm

